

ĐÓ LÀ LỐI HÀNH VĂN THẬT SỰ TRONG SÁNG VÀ CAO XA

(Tìm hiểu và học tập di sản ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Bùi Khánh Thế

Trường Đại học Dn lập Tin học & Ngoại ngữ

TÓM TẮT: Thuộc số các văn phẩm được công bố trong tập 2 Hồ Chí Minh toàn tập xuất bản lần 2, 2000) có một bài viết của Người dung lượng tuy không lớn, nhưng chứa đựng nhiều ý tưởng quan trọng về ngôn ngữ học. Đó là Thư trả lời ông H. (Thượng Huyền) với mục đích “trình bày tất cả những nhận xét” của tác giả bức thư được kí tên là L.T. (một bí danh viết tắt của Người thời kỳ hoạt động ở Quảng Châu – Trung Quốc) để trao đổi với ông H. xung quanh tập bài viết của ông H. về chủ đề cách mạng.

Các ý tưởng trong Thư trả lời ... cho chúng ta biết những quan điểm đã sớm hình thành ở Người về tiếng Việt và về ngôn ngữ nói chung. Các quan điểm này về sau được Người làm sâu sắc thêm mỗi khi có dịp đề cập đến và ngay cả trong chính hành động ngôn từ của mình.

Trong khoảng những năm từ 1924 đến 1930 khi Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc), một trong những sứ mệnh quan trọng của Người là “trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính Đảng của giai cấp vô sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam” (HCM toàn tập, T.2. Lời giới thiệu)*. Vào thời gian ấy, trong số các thư tín, tác phẩm, luận văn của Người có một bài viết mang ý nghĩa đặc biệt đối với việc tìm hiểu các quan điểm của Người về tiếng Việt và về ngôn ngữ nói chung. Đó là *Thư trả lời ông H.* (Thượng Huyền) được ký là L.T². đề ngày 9.4.1925. Thư viết bằng tiếng Pháp, trong đó có những từ ghi bằng tiếng Việt như “Cách mệnh”, “quốc ngữ”, “tây chay”. Toàn văn bản dịch tiếng Việt được in trong HCM toàn tập, XB lần 2, 2000, T.2, tr 156-165).

Qua nội dung *Thư trả lời ...* chúng ta được biết hồi bấy giờ Bác nhận được từ ông H. hai tập viết về *Cách mệnh*, với lời yêu cầu “góp ý kiến nhận xét”. Và Người đã “chiều theo ý tác giả tập bài viết”, trình bày tất cả những nhận xét của mình để trao đổi với tác giả”.

Hai tập viết gồm 32 trang giấy, bàn về chủ đề *Cách mệnh*. Trong phần mở đầu *Thư trả lời ...* L.T. bày tỏ tình cảm “rất phấn khởi” thấy ông Thượng Huyền đã dũng cảm và thiện ý viết hai tập này. Dũng cảm là vì ông đã viết bằng *quốc ngữ* về một đề tài khá rộng mà từ trước đến nay chưa ai dám đề cập đến. Còn tinh thần thiện chí thì đã thể hiện rõ ở trên 32 trang giấy...”

Thư nhận xét của Bác được chia thành hai phần, phần về hình thức và phần về nội dung. Cả hai phần ấy, cũng như trước khi vào chi tiết từng phần đều có những ý kiến của Bác liên quan đến các vấn đề ngôn ngữ. Điều đầu tiên Bác đề cập trong bức thư chứng tỏ Người rất quan tâm đến lối hành văn và cách diễn đạt. Đó phải là

* Những từ hoặc ngữ, cần được in nghiêng hoặc để trong ngoặc kép dựa đng theo bản in được trích từ *Hồ Chí Minh toàn tập* (Xuất bản lần thứ hai), 2000, T.2. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.

“lối hành văn thật sự trong sáng... diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai cũng hiểu được, và khi đọc xong độc giả phải suy ngẫm”.

Trao đổi với ông H. về việc dùng nhiều điển tích, Bác cho rằng “dùng điển tích là tốt, nhưng nếu lạm dụng sẽ làm cho độc giả khó chịu. Bởi vì tính chất cao xa, thâm thúy của các điển tích thường cũng hay bao hàm những ý nghĩa mơ hồ có thể làm người ta hiểu lầm”. Làm “bằng chứng” cho ưu thế của sự minh xác, tính súc tích, giản dị trong cách sử dụng tiếng nói, lời văn, Người dẫn từ sách *Luận ngữ* câu trả lời của Tăng Tử cho thầy mình là Khổng Tử: “Tất nhiên”. Và Người nhận xét: “Câu ấy chỉ gồm có một từ. Một từ mà cũng đã rất đủ để thể hiện cả nghị lực và toàn bộ kiến thức của Tăng Tử... Tôi thách ai có thể thêm, bớt một chữ nào trong câu ấy”. Bác lại dẫn thêm lời “đáp cộc lốc” của Napôlêông: “Cút”, khi “kẻ địch ra lệnh cho ông ta đầu hàng”. Nhận xét của Bác: “Câu nói ấy chỉ có một từ, lại là một từ tục tĩu. Nhưng trong tình thế nguy kịch nghiêm trọng của vị tướng, nghìn lời nói khác cũng không sao thể hiện được hơn lòng dũng cảm và sự khinh bỉ của ông đối với kẻ thù...”

Qua thư trả lời này chúng ta còn biết được lần đầu tiên Bác bày tỏ quan niệm của Người về vay mượn từ. Người viết: “Ngôn ngữ của ta còn nghèo... chúng ta phải vay mượn những từ ngữ nước ngoài, nhất là từ ngữ Trung Quốc. (Nhưng) Tôi nghĩ rằng lạm dụng từ ngữ Trung Quốc chỉ làm cho văn thêm khó hiểu, trừ những từ thông dụng mà ai cũng đã biết và trừ những từ ngữ mới như bôn-sê-vích, tài chính ...”; nhất là “tác phẩm định dùng để tuyên truyền thì đó phải là một tác phẩm ai đọc cũng hiểu được”.

Bàn tiếp về cách diễn đạt, Bác phê phán “cách viết chịu ảnh hưởng quá nhiều của lối văn Trung Quốc”, “giải

thích một thành ngữ tiếng Trung Quốc bằng một thành ngữ tiếng Pháp” khi tác giả viết “chống lại một cách thụ động”, và để trong ngoặc kép “thụ động kháng cự”. Và Người có lời gợi ý: “nếu ông định viết cho người vừa biết tiếng Trung Quốc vừa biết tiếng Pháp, thì tôi không có ý kiến còn viết cho nông dân, công nhân đọc thì nên dùng tiếng Việt”.

Trong phần nhận xét mặt hình thức tập bài viết về cách mệnh, Bác còn chỉ ra cụ thể các câu khó hiểu, diễn đạt cầu kỳ, dài dòng, “viết cho văn vẻ”... và cũng gợi ra những từ, ngữ, câu có thể dùng giản dị hơn và rõ ý hơn. Chẳng hạn, Bác đề nghị thay “một câu dài dòng: một người lạ mặt đứng lại ở bên ngoài để nhìn trộm xem có ai đứng sau vách không”, câu ấy nhất định không gọn bằng câu: “một tên ăn trộm đứng rình”. Người cho rằng cũng để diễn đạt ý ấy, nhưng câu được đề nghị thay “chỉ dùng có vài ba chữ”. Bác cũng trao đổi với ông H. về cách phiên âm tên riêng, cách dịch thuật ngữ từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Về mặt này quan niệm của Bác rất linh hoạt. Chẳng hạn, Người đề nghị: “Nếu cần viết tên một nhân vật hoặc tên một làng nước ngoài (như Washington, Gandhi – BKT) bằng tiếng Việt, tôi nghĩ cứ nên viết đúng tên ấy hơn là diễn đạt thông qua tiếng Trung Quốc”. Hoặc về trường hợp từ *tây chay* “chúng ta đã hiểu là gì rồi”, nếu chúng ta muốn dùng từ ngữ mới, thì có thể dùng chữ “boycot” (boycottage) một từ ngắn gọn đã thường dùng ở nhiều nước. Phê phán cách “dịch hai chữ *mẫu âm*³ từ tiếng Trung Quốc và hai chữ *langue maternelle* dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt”. Người nhận xét: dịch như thế thì “nhất định nông dân và công nhân sẽ không hiểu ông nói gì... Tại sao ông lại không dùng những từ ‘tiếng ta’ hay ‘tiếng nước ta’ để cho ai cũng hiểu được?”

Thảo luận phần nội dung, Bác cũng bắt đầu một vấn đề liên quan đến ngôn ngữ: Vấn đề từ nguyên và ngữ nghĩa của

từ *cách mệnh*. Điều này không có gì là khó hiểu. Bởi vì, nói theo văn bản học, *cách mệnh* là *từ khoá* (key word/key term) chi phối việc thảo luận cả phần hai và nói chung là toàn bộ hai tập viết của tác giả Thượng Huyền. Bác ngờ rằng “từ ngữ *cách mệnh* lấy ở trong *Kinh Dịch* có lẽ không đúng” và cho là người Trung Quốc dịch từ tiếng phương Tây⁴. Để xác định ngữ nghĩa chính xác của từ *cách mệnh*, Bác đã so sánh đối chiếu với các từ cùng trường nghĩa, nhưng khác về thành phần nghĩa tố.

Người viết: “Trong tiếng Pháp cũng có những từ *réforme*, *évolution* và *révolution*. Tiến hoá là một loạt những biến đổi liên tiếp và có tính chất hoà bình. Còn cải cách là những thay đổi xảy ra ít hay nhiều trong thể chế một nước, những biến đổi ấy có kèm hoặc không kèm theo bạo lực. Sau những cải cách, vẫn còn tồn tại cái gì ấy của hình thức ban đầu. *Còn cách mệnh thì đem một chế độ mới thay thế hẳn cho một chế độ cũ*. Sau thao tác định nghĩa này, Người dẫn ra một loạt ví dụ để minh hoạ: “Găngđi là một nhà cải cách chứ không phải là một nhà cách mệnh... Không phải chỉ có chính phủ là đối tượng của cách mệnh. Tất cả những biến đổi xảy ra trong mọi sự vật trên thế giới cũng đều có thể gọi là cách mệnh. Đácuy-n là một nhà vận vật học cách mệnh Các Mác là một nhà kinh tế học cách mệnh”.

Cách xác định ngữ nghĩa từ cách mệnh ở đây gọi ta nhớ lại phương pháp làm việc của Bác khi Người viết năm 1924 hai bài báo về *Đảng Ku Klux Klan* và về *Hành hình kiểu Lin-sơ* (Bùi Khánh Thế, 1990). Đó là phương pháp tư duy khoa học chặt chẽ, cách lập luận minh xác mà các nhà ngôn ngữ học chúng ta ngày nay đều cần học tập. Những ý tưởng đã có từ rất sớm của Bác về ngôn ngữ, về tiếng Việt được Người phát biểu trong *Thư trả lời* này về sau lại được Người nhắc đến dưới hình thức phát triển sâu rộng hơn mỗi khi có dịp. Cần nhấn mạnh rằng những ý tưởng ấy đối với Bác

không chỉ mang tính lý thuyết, mà còn là phương châm, chỉ đạo hoạt động ngôn từ cho chính bản thân Người.

Những điều được nêu ở mục 2 trên đây được thể hiện ngay từ một trong những tác phẩm đầu tiên Bác viết bằng tiếng Việt: *Đường cách mệnh*. Giải đáp vấn đề *Vì sao phải viết sách này?*, Người xác định: “Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ”... Vì vậy “Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ...”, với “ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ lại rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh”.

Đặc điểm vắn tắt, súc tích trong cách hành văn của Bác, ngoài mục đích phù hợp với phương châm “viết cho ai” như ta có thể thấy qua *Đường cách mệnh*, còn là một phương diện thuộc về tính nghệ thuật trong phong cách ngôn ngữ của Người. Sự đánh giá cao của Người đối với câu trả lời của Tăng Tử hay “lời đáp cộc lốc” của Napôlêông được trích dẫn trong *Thư trả lời* cho ta thấy quan điểm rất rõ ràng của Người về nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Nhắc đến câu trả lời chỉ có một từ *Tất nhiên*, Người bình luận: “Khi đọc từ ấy, lẽ nào người ta không hình dung được niềm vui sáng lên trong cái nhìn của Khổng Tử và tâm trạng vui của vị sư phụ đang đàm đạo với môn đệ” – Còn về sức mạnh cũng như tác dụng một lời đáp “tục tũ” của Napôlêông dành cho kẻ thù, Người đánh giá: “Chỉ một lời đáp ấy cũng đủ để vị tướng cùng cố được đội ngũ của mình. Chỉ câu nói ấy cũng đủ làm cho tên ông vang dội khắp Châu Âu. Nó còn được đi vào biên niên sử cho đến ngày nay và người Pháp ai cũng biết đến lời đáp ấy.” Các “bằng chứng” ấy tất yếu dẫn đến kết luận: “Một lối hành văn giản dị, chính xác hơn hẳn lối hành văn rườm rà, hoa mỹ” (dẫn chứng thứ hai) và “Đó là lối hành văn thật sự trong sáng và cao xa” (dẫn chứng thứ nhất). Có thể xem đây là bài học về chiến lược giao tiếp ngôn ngữ mà Người rút ra từ thực tế lịch sử Đông, Tây.

Ngày nay tìm hiểu các nhận định của Người về hành động ngôn từ (speech acts) của các chủ ngôn khác – dù đó là những nhân vật lịch sử đông, tây hay là tác giả của văn bản mà Người đang nhận xét - , cũng như di sản ngôn ngữ của chính Người chúng ta có thể rút ra cho ngôn ngữ học Việt Nam những bài học bổ ích và quý báu về cách sử dụng tối ưu công cụ giao tiếp. Quan điểm cũng như thực tiễn hoạt động ngôn từ của Người có nhiều nét rất gần với ngữ dụng học (pragmatics) và lý thuyết về hành động ngôn từ (speech act theory) mặc dù sinh thời của Bác các khuynh hướng ngôn ngữ học ấy chưa phổ biến ở nước ta. Thật vậy, bởi vì nếu nói một cách vắn tắt thì lý thuyết hành động ngôn từ chính là nhằm “*nhấn mạnh vai trò những ý định của Người nói trong việc lập ngôn*” (R.M.Harnish, 1992); còn “*ngữ dụng học hiện đại xem xét hành động nói năng và hoàn cảnh nói năng trong đó ngôn từ cần được biểu hiện*” và “*một trong những mục đích chính của ngữ dụng học là xác định đặc trưng của hoàn cảnh nói năng giúp con người nói định rõ điều gì cần nêu lên trong lời nói*” (Stalnake, 1972; dẫn theo L.R.Horn, 1992).

GHI CHÚ

1. Lời trích dùng làm đầu đề bài viết này rút từ *Thư gửi ông H.* (Thượng Huyền) được đề cập đến trong bài.

2. Lúc bấy giờ là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc) hoạt động với cương vị Ủy viên Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, phụ trách văn phòng Phương Nam, đảm nhận việc truyền bá chủ nghĩa Cộng sản vào Châu Á..., theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước, chuẩn bị mọi điều kiện cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản (theo lời giới thiệu tập 2, HCM toàn tập) – Hồi ấy, ngoài tên Nguyễn Ái Quốc, Người còn ký dưới các văn bản một số bí danh khác, trong đó có bí danh Lý Thụy. *L.T.* ký dưới *Thư trả lời ông H.* hẳn là ghi tắt bí danh Lý Thụy. Để tiện diễn đạt trong bài viết này cũng dùng cách gọi *Bác* vốn đã phổ biến trong nhân dân, trong giới khoa học khi nhắc đến Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa là “tiếng mẹ đẻ” (chú thích: trong HCM toàn tập).

4. Theo *Vĩnh Sinh* trong *Nhật Bản và Việt Nam – giao lưu văn hóa*, 2001, NXB Văn nghệ Tp. HCM, *Trung tâm nghiên cứu Quốc học*, từ *cách mạng* tuy có trong tiếng Hán cổ nhưng dùng với nghĩa khác: *đổi vua, đổi triều đại*. Nghĩa của từ *cách mạng* hiện nay bắt nguồn từ tiếng phương Tây, đi vòng sang Nhật Bản sau đó mới trở vào Trung Quốc qua Tân Thư.

IT'S S TRANSPARENT AND NOBLE STYLE

Bui Khanh The

Huflit

ABSTRACT : *The reply letter to Mr H. (Thuong Huyen) is a piece of literary work in the complete works of Ho Chi Minh (vol. 2, 2nd edition, 2000). A short piece of writing as it is, it contains many important ideas in linguistics. The letter was written under the pseudonym of LT (the name Ho Chi Minh used during the time when he stayed in China for his revolutionary activities) to "present all the remarks" by its author in response to Mr H. about his writings on the theme of revolution.*

*The ideas presented in **The reply letter** reveal thoughts which had long been formed in Ho Chi Minh's mind about the Vietnamese and about language in general. These viewpoints were later further developed whenever He had the chance to refer to them, and He showed this even in his speech acts.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hồ Chí Minh toàn tập (Xuất bản lần thứ hai), 2000, T.2.NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- [2]. Harnish R.M.,1992, *Speech acts*, International Encyclopedia of Linguistics, Vol.4, p 64-66, Oxford university Press.
- [3]. Horn L.R., 1992, *Pragmatics, Implicature, and Presupposition*, International Encyclopedia of Linguistics, Vol.3, p 260-266, Oxford university Press.
- [4]. Bùi Khánh Thế, 1990, *Ngữ văn học và di sản ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nghiên cứu thơ văn Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh, NXB Văn học.